

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “**Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư dịch vụ xã Ngọc Xá, huyện Quế Võ (Khu số 02 - Điểm thôn Hữu Bằng)**”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “**Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư dịch vụ xã Ngọc Xá, huyện Quế Võ (Khu số 02 - Điểm thôn Hữu Bằng)**” (sau đây gọi là Dự án) của UBND xã Ngọc Xá (sau đây gọi là Chủ Dự án) thực hiện tại thôn Hữu Bằng, xã Ngọc Xá, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư; UBND thị xã Quế Võ; UBND xã Ngọc Xá và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./v

Nơi nhận: *Am*

- Như điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- TTHCC tỉnh (trả kết quả);
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN.TN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đào Quang Khải

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
“HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU DÂN CƯ DỊCH VỤ XÃ NGỌC XÁ,
HUYỆN QUẾ VỖ (KHU SỐ 02 – ĐIỂM THÔN HỮU BẰNG)”
(Kèm theo Quyết định số 687/QĐ - UBND ngày 29 tháng 11 năm 2024
của UBND tỉnh Bắc Ninh)

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư dịch vụ xã Ngọc Xá, huyện Quế Võ (Khu số 02 - Điểm thôn Hữu Bằng).
- Chủ dự án đầu tư: UBND xã Ngọc Xá.
- Địa điểm thực hiện: Thôn Hữu Bằng, xã Ngọc Xá, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Phạm vi: Dự án thực hiện tại thôn Hữu Bằng, xã Ngọc Xá, thị xã Quế Võ, với tổng diện tích khoảng 7,84 ha.

- Quy mô xây dựng:

Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư dịch vụ xã Ngọc Xá (Khu số 02 - Điểm thôn Hữu Bằng), bao gồm:

- + Giải phóng mặt bằng;
- + San nền;
- + Làm đường giao thông, vỉa hè, trồng cây xanh;
- + Xây dựng hệ thống cấp nước, thoát nước, điện chiếu sáng, khu vườn hoa cây xanh và một số hạng mục phụ trợ khác.

- Loại hình dự án: Dự án đầu tư mới.

1.3. Quy trình hoạt động của dự án:

Bồi thường giải phóng mặt bằng → Xây dựng hoàn thiện dự án → Đưa dự án đi vào hoạt động sử dụng.

1.4. Các hạng mục công trình của dự án:

- San nền, phân lô;
- Hệ thống đường giao thông, hè phố, cây xanh, tổ chức giao thông;
- Hệ thống cấp nước sinh hoạt và cấp nước PCCC;
- Hệ thống cấp điện, chiếu sáng;
- Hệ thống thông tin liên lạc;
- Hệ thống thu gom thoát nước mưa;
- Hệ thống thu gom thoát nước thải.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án có chuyển đổi mục đích 69.865,2m² đất trồng lúa 02 vụ, thuộc dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

- Giai đoạn thi công:

+ Tác động của nước thải: Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân trên công trường; từ hoạt động thi công, như: Quá trình vệ sinh xe ô tô ra vào công trường, dụng cụ, thiết bị của công nhân sau khi kết thúc ngày làm việc (bai, thước vuông, bàn chà, giá xúc,...).

+ Tác động của bụi, khí thải: Phát sinh từ các hoạt động san lấp mặt bằng, từ hoạt động của phương tiện vận tải thực hiện, vận chuyển nguyên liệu xây dựng ra vào dự án, hoạt động của máy móc, phương tiện thi công xây dựng.

+ Tác động của chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân lao động phục vụ thi công xây dựng dự án.

+ Tác động của chất thải rắn thông thường: Phát sinh trong quá trình thi công các hạng mục công trình của dự án.

+ Tác động của chất thải nguy hại: Phát sinh từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng, thay dầu,... của máy móc, thiết bị thi công, phương tiện vận chuyển.

+ Tác động của tiếng ồn, độ rung: Phát sinh từ hoạt động của phương tiện thi công trên công trường, các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu.

- Giai đoạn vận hành:

+ Tác động của nước thải: Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của các hộ dân sinh sống trong dự án. Thành phần chủ yếu là các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD_5/COD) và các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh,...

+ Tác động của bụi, khí thải: Phát sinh chủ yếu do hoạt động của các phương tiện cơ giới ra vào khu vực dự án; mùi phát sinh từ khu lưu trữ chất thải của dự án,...

+ Tác động của chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động hàng ngày của người dân, bao gồm các loại rác vô cơ (bao bì, giấy, túi nilon,...) và các chất hữu cơ dễ phân hủy.

+ Tác động của chất thải nguy hại: Phát sinh khi dự án đi vào hoạt động chủ yếu, như: Pin, ắc quy thải; bóng đèn huỳnh quang thải và các loại chất thải khác; giẻ lau dính dầu mỡ thải; các loại dầu mỡ thải;

+ Tác động của tiếng ồn, độ rung: Phát sinh từ các hoạt động của phương tiện giao thông ra vào khu vực dự án.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải:

- Giai đoạn thi công:

+ Nước thải sinh hoạt: Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của các công nhân trên công trường phát sinh khoảng $9,0m^3/ngày$. Thành phần chủ yếu là các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD_5/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và các vi sinh vật gây bệnh,...

+ Nước thải xây dựng: Quá trình vệ sinh xe ô tô ra vào công trường, dụng cụ, thiết bị của công nhân sau khi kết thúc ngày làm việc (bai, thước vuông, bàn chà, giá xúc,...). Thành phần chủ yếu là đất, cát,... với lưu lượng khoảng $1,2m^3/ngày$.

- Giai đoạn vận hành: Nước thải sinh hoạt của dân cư sinh sống trong khu vực dự án. Thành phần các chất cặn bã, chất rắn lơ lửng, BOD, COD, các chất dinh dưỡng,... Ước tính lượng nước thải này phát sinh khoảng 164,6m³/ngày đêm.

3.2. Bụi, khí thải:

- Giai đoạn thi công: Phát sinh từ các hoạt động san lấp mặt bằng, từ hoạt động của phương tiện vận tải thực hiện vận chuyển nguyên liệu xây dựng ra vào công trường, hoạt động của máy móc, phương tiện thi công xây dựng. Thành phần chủ yếu, gồm: Bụi, CO, NO_x, SO₂, VOC_s,...

- Giai đoạn vận hành: Từ hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải ra vào khu vực dự án. Thành phần: Bụi, SO₂, NO_x, CO,...

3.3. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

3.3.1. Chất thải rắn thông thường:

- Giai đoạn thi công:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân lao động phục vụ thi công xây dựng dự án, với khối lượng khoảng 22,5 kg/ngày. Thành phần chủ yếu, gồm: Vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa,...

+ Chất thải rắn xây dựng: Phát sinh trong quá trình thi công các hạng mục công trình của dự án. Thành phần chủ yếu, gồm: Mẩu sắt thép, rỉ sắt, cây chống, gỗ vụn, bao tải,... Ước tính lượng chất thải này phát sinh khoảng 153 kg/ngày.

- Giai đoạn vận hành: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của các hộ dân sinh sống trong khu vực dự án. Thành phần thức ăn thừa, chai lọ đựng thực phẩm,... Lượng phát sinh khoảng 411,6 kg/ngày.

3.3.2. Chất thải nguy hại:

- Giai đoạn thi công: Phát sinh từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng, thay dầu,... của máy móc, thiết bị thi công, phương tiện vận chuyển. Thành phần chủ yếu, gồm: Dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu, vải tách dầu, bóng đèn huỳnh quang hỏng, ắc quy, pin,... Ước tính lượng chất thải này phát sinh khoảng 42 kg trong cả thời gian thi công.

- Giai đoạn vận hành: Phát sinh từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị gia đình của các hộ dân. Thành phần chủ yếu: Bóng đèn huỳnh quang hỏng, ắc quy hỏng, vỏ hộp sơn, vỏ hộp đựng dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu, găng tay dính dầu, dính sơn,... Ước tính lượng chất thải này phát sinh khoảng 40 kg/tháng.

3.4. Tiếng ồn:

- Giai đoạn thi công: Phát sinh từ các phương tiện giao thông vận tải và máy móc thi công (máy đào, máy xúc, xe trộn bê tông, xe lu, xe ủi, máy nghiền...).

- Giai đoạn vận hành: Phát sinh chủ yếu do các phương tiện giao thông ra vào khu vực dự án.

3.5. Các tác động khác:

- Dự án tác động đến các hộ dân do bị chiếm dụng vĩnh viễn đất trồng lúa 02 vụ.

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất trật tự an ninh xã hội khu vực dự án.



4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

- Giai đoạn thi công:

+ Nước thải sinh hoạt: Được thu gom vào 01 nhà vệ sinh lưu động, loại 3 buồng, dung tích 03m³/buồng; định kỳ thuê đơn vị có chức năng đến hút mang đi xử lý theo quy định.

+ Nước thải xây dựng: Bố trí 01 bể lắng (dung tích 03m³, cấu tạo 03 ngăn). Nước sau khi lắng tại bể lắng được sử dụng để phun làm ẩm vật liệu đất thải và tưới nước dập bụi trên công trường thi công, không xả thải ra môi trường; váng dầu và đất, cát, cặn tại bể lắng được thu gom và xử lý theo đúng quy định.

- Giai đoạn vận hành:

+ Khi trạm xử lý nước thải tập trung của thị xã Quế Võ chưa đi vào hoạt động: Toàn bộ nước thải sinh hoạt của dự án được gom và lưu chứa tại hệ thống thu gom nước thải và các hố ga của dự án, sau đó hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom thu hút đi xử lý theo quy định.

+ Khi trạm xử lý nước thải tập trung của thị xã Quế Võ đi vào hoạt động: Toàn bộ nước thải sinh hoạt của dự án được đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của khu vực, rồi dẫn đến khu xử lý nước thải tập trung theo Văn bản số 1508/UBND-XDCB ngày 08/7/2024 của UBND thị xã Quế Võ về việc đầu nối hệ thống thoát nước thải cho dự án Khu dân cư dịch vụ tại xã Ngọc Xá, thị xã Quế Võ.

4.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

- Giai đoạn thi công:

+ Tiến hành thi công dứt điểm từng công đoạn, từng hạng mục công trình; thực hiện tốt công tác quản lý xây dựng và giám sát thi công trên công trường.

+ Các khu vực nền đất đào đắp xong tới đâu được lu lèn bảo đảm độ cứng theo thiết kế ngay tới đó để tránh phát sinh bụi.

+ Che chắn những khu vực phát sinh bụi và thường xuyên tưới nước đường giao thông nội bộ, các khu vực bị xáo trộn trong quá trình xây dựng dự án, định kỳ: 01 lần trước giờ thi công sáng; 01 lần trước giờ thi công chiều.

+ Không tập trung các thiết bị thi công cơ giới hoạt động cùng một lúc, tại một vị trí để hạn chế lượng khí thải phát tán gây ô nhiễm cục bộ. Sử dụng máy móc thi công đã được kiểm định đúng quy định và bảo dưỡng thường xuyên.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi dự án trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành; đáp ứng các điều kiện về vệ sinh môi trường, QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

- Giai đoạn vận hành:

+ Thực hiện các giải pháp trồng cây xanh tạo cảnh quan cho khu vực dự án, đồng thời góp phần bảo vệ môi trường.

+ Các thùng chứa chất thải của các khu vực phải có nắp đậy, không để rác

tồn đọng quá lâu để tránh bốc mùi.

+ Bố trí các làn đường dẫn vào bãi đỗ xe phải hợp lý, phương tiện ra vào phải theo đúng quy định hướng dẫn của người quản lý.

+ Thường xuyên nạo vét cống rãnh thoát nước, định kỳ hút bùn cặn bề tự hoại và vận chuyển rác thải sinh hoạt hàng ngày để tránh phát tán mùi.

4.3. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

Thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

4.3.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn:

- Giai đoạn thi công:

+ Đối với chất thải rắn phát sinh trong quá trình phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng được phân loại để xử lý, cụ thể: Các chất thải rắn được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định, bởi các đơn vị có chức năng thông qua hợp đồng kinh tế.

+ Đối với chất thải xây dựng: Bố trí bãi lưu trữ tạm thời để thu gom chất thải xây dựng để tái sử dụng hoặc thuê đơn vị có đủ chức năng vận chuyển xử lý theo quy định.

+ Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí các thùng rác để thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện dự án, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; chỉ được phép đổ thải vào các vị trí được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

- Giai đoạn vận hành: Rác thải sinh hoạt của các hộ gia đình sẽ được thu gom lưu giữ tại hộ gia đình và được tập kết tại khu tập kết chất thải của dự án. Sau đó, được đưa về điểm tập kết theo quy định.

4.3.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Giai đoạn thi công: Thu gom và lưu chứa toàn bộ các loại chất thải nguy hại phát sinh vào thùng Container 10 feet; ký hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.



- Giai đoạn vận hành: Chất thải nguy hại phát sinh yêu cầu phân loại tại hộ gia đình, lưu giữ và chuyển giao cho các đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

4.4. Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn:

- Giai đoạn thi công:

Công trình, biện pháp kiểm soát mức ồn từ hoạt động thi công và vận chuyển nguyên vật liệu:

+ Các thiết bị và máy móc thi công đạt kiểm định chất lượng theo yêu cầu.

+ Hạn chế thi công và vận chuyển nguyên liệu và phế thải qua khu dân cư và các đường liên thôn, đường liên xã vào ban đêm.

+ Lắp dựng hàng rào trong trường hợp bao quanh vị trí thi công đoạn qua các khu vực nhạy cảm với tiếng ồn.

+ Trang bị các thiết bị bảo hộ cá nhân, có mũ chụp tai hoặc nút chống ồn bằng chất dẻo.

- Biện pháp kiểm soát mức rung từ hoạt động thi công: Sử dụng các thiết bị có mức rung thấp; ghi nhận hiện trạng công trình trước khi thi công; bồi thường nếu hoạt động thi công gây rung lắc hư hại đến công trình.

- Giai đoạn vận hành: Thực hiện các giải pháp trồng cây xanh tạo cảnh quan cho khu vực dự án, đồng thời để hạn chế tiếng ồn lan truyền tới khu vực xung quanh.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án đầu tư:

Theo Điều 97, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc môi trường định kỳ./.